

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	5 – 23
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng 565 là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3262/QĐ-BQP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 25.03.000136 lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2007, thay đổi lần 01 ngày 13 tháng 5 năm 2009, thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, cao lanh;
- Sản xuất gạch nung, ngói, vôi;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng vữa;
- Sản xuất cấu kiện thép cho xây dựng và các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải đặc biệt;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư và kinh doanh đường giao thông.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thắng	Ủy viên
Ông Mai Ngọc Kiên	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Hải	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Toàn	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Tấn	Ủy viên

Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2010

Miễn nhiệm từ ngày 01/5/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Giám đốc	
Ông Lê Đức Thắng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/7/2010
Ông Mai Ngọc Kiên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2010
Ông Phạm Ngọc Toàn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2009
Ông Đặng Văn Doan	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 02/2009
Ông Trịnh Văn Hải	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hòa Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Mạnh Toàn

Số: 138./2010/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 được lập ngày 12 tháng 8 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2010

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		253.576.304.318	246.219.041.903
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.821.831.434	3.848.618.345
1.	Tiền	111	V.1	6.821.831.434	3.848.618.345
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		107.284.127.462	124.650.448.704
1.	Phải thu của khách hàng	131		85.589.299.235	116.074.207.030
2.	Trả trước cho người bán	132		16.227.937.978	4.460.375.681
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	7.281.547.493	5.930.523.237
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1.814.657.244)	(1.814.657.244)
IV.	Hàng tồn kho	140		133.758.236.004	115.184.753.091
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	133.758.236.004	115.184.753.091
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		5.712.109.418	2.535.221.763
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.884.824.871	1.716.336.419
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2.827.284.547	818.885.344

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.769.113.180	38.341.038.935
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		36.194.989.338	37.724.387.401
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	36.194.989.338	37.724.387.401
	- Nguyên giá	222		98.052.466.377	95.122.726.377
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61.857.477.039)	(57.398.338.976)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		574.123.842	616.651.534
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	574.123.842	616.651.534
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		290.345.417.498	284.560.080.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		254.814.948.690	251.387.400.011
I.	Nợ ngắn hạn	310		237.860.847.861	230.857.823.946
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	107.599.175.221	106.279.093.640
2.	Phải trả người bán	312		35.083.932.032	49.155.680.896
3.	Người mua trả tiền trước	313		57.682.377.004	41.958.741.332
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.708.447.309	10.929.517.684
5.	Phải trả người lao động	315		4.472.094.236	5.559.188.334
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	7.086.041.520	305.799.621
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18.998.595.833	15.228.298.733
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.230.184.706	1.441.503.706
II.	Nợ dài hạn	330		16.954.100.829	20.529.576.065
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	16.954.100.829	20.529.576.065
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.530.468.808	33.172.680.827
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	35.530.468.808	33.172.680.827
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.406.440.000	25.406.440.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.144.563.195	2.144.563.195
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		310.225.405	310.225.405
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.669.240.208	5.311.452.227
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		290.345.417.498	284.560.080.838

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hòa Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	71.815.697.270
2.	Các khoản giảm trừ	03		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	71.815.697.270
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	60.063.035.468
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.752.661.802
6.	Doanh thu tài chính	21	VI.29	64.625.932
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	5.118.660.175
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.118.660.175
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.030.856.615
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.667.770.944
11.	Thu nhập khác	31		26.843.891
12.	Chi phí khác	32		-
13.	Lợi nhuận khác	40		26.843.891
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.694.614.835
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	336.826.854
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.357.787.981
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22	928

Hòa Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		125.846.680.841
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.878.675.797)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.528.194.825)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(5.380.135.252)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(293.750.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		308.924.613
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.971.608.768)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		8.103.240.812
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.929.740.000)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi vốn góp đầu tư vào các đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.625.932
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(2.865.114.068)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		100.212.760.746
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(102.468.154.401)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.520.000)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(2.264.913.655)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.973.213.089
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.848.618.345
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.821.831.434

Hòa Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, cao lanh;
- Sản xuất gạch nung, ngói, vôi;
- Sản xuất các sản phẩm từ xi măng vữa;
- Sản xuất cấu kiện thép cho xây dựng và các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải đặc biệt;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Đầu tư và kinh doanh đường giao thông.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là:

- Lợi thế thương mại được xác định khi định giá Doanh nghiệp Nhà nước để cổ phần hóa.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 14/11/2004, chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 06/02/2007, do vậy, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	285.223.133	111.894.129
- Tiền gửi ngân hàng	6.536.608.301	3.736.724.216
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>6.821.831.434</u>	<u>3.848.618.345</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	7.281.547.493	5.930.523.237
+ Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	1.603.333.351	-
+ Các đội	5.629.214.142	3.589.684.030
+ Các đối tượng khác	49.000.000	2.340.839.207
Cộng	<u>7.281.547.493</u>	<u>5.930.523.237</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	19.610.592.685	21.041.061.728
- Công cụ, dụng cụ	76.721.455	76.721.455
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	114.070.921.864	94.066.969.908
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>133.758.236.004</u>	<u>115.184.753.091</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.724.492.391	62.718.562.627	29.575.490.446	1.104.180.913	-	95.122.726.377
- Mua trong kỳ	-	2.929.740.000	-	-	-	2.929.740.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.724.492.391	65.648.302.627	29.575.490.446	1.104.180.913	-	98.052.466.377
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	574.830.792	38.484.683.721	17.419.138.160	919.686.303	-	57.398.338.976
- Số khấu hao trong kỳ	58.920.153	2.859.792.944	1.486.172.666	54.252.300	-	4.459.138.063
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	633.750.945	41.344.476.665	18.905.310.826	973.938.603	-	61.857.477.039
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.149.661.599	24.233.878.906	12.156.352.286	184.494.610	-	37.724.387.401
2. Tại ngày cuối kỳ	1.090.741.446	24.303.825.962	10.670.179.620	130.242.310	-	36.194.989.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 14/11/2004, chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 06/02/2007, do vậy, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	285.223.133	111.894.129
- Tiền gửi ngân hàng	6.536.608.301	3.736.724.216
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>6.821.831.434</u>	<u>3.848.618.345</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	7.281.547.493	5.930.523.237
+ <i>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</i>	<i>1.603.333.351</i>	-
+ <i>Các đội</i>	<i>5.629.214.142</i>	<i>3.589.684.030</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>49.000.000</i>	<i>2.340.839.207</i>
Cộng	<u>7.281.547.493</u>	<u>5.930.523.237</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	19.610.592.685	21.041.061.728
- Công cụ, dụng cụ	76.721.455	76.721.455
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	114.070.921.864	94.066.969.908
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>133.758.236.004</u>	<u>115.184.753.091</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565
 Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.724.492.391	62.718.562.627	29.575.490.446	1.104.180.913	-	95.122.726.377
- Mua trong kỳ	-	2.929.740.000	-	-	-	2.929.740.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.724.492.391	65.648.302.627	29.575.490.446	1.104.180.913	-	98.052.466.377
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	574.830.792	38.484.683.721	17.419.138.160	919.686.303	-	57.398.338.976
- Số khấu hao trong kỳ	58.920.153	2.859.792.944	1.486.172.666	54.252.300	-	4.459.138.063
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	633.750.945	41.344.476.665	18.905.310.826	973.938.603	-	61.857.477.039
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.149.661.599	24.233.878.906	12.156.352.286	184.494.610	-	37.724.387.401
2. Tại ngày cuối kỳ	1.090.741.446	24.303.825.962	10.670.179.620	130.242.310	-	36.194.989.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lợi thế thương mại	574.123.842	616.651.534
Cộng	<u>574.123.842</u>	<u>616.651.534</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>107.599.175.221</i>	<i>106.279.093.640</i>
- Vay ngân hàng	107.599.175.221	106.279.093.640
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>107.599.175.221</u>	<u>106.279.093.640</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	4.911.690.493	10.177.451.840
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	795.142.698	752.065.844
- Thuế thu nhập cá nhân	1.614.118	-
Cộng	<u>5.708.447.309</u>	<u>10.929.517.684</u>

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	44.324.544	305.799.621
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản	7.041.716.976	-
Cộng	<u>7.086.041.520</u>	<u>305.799.621</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	172.272.465	-
- Kinh phí công đoàn	249.385.587	201.349.443
- Bảo hiểm xã hội	262.977.971	35.059.986
- Bảo hiểm y tế	103.812.666	76.260.201
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.210.147.144	14.915.629.103
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>15.060.000</i>	<i>27.610.000</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>18.195.087.144</i>	<i>14.888.019.103</i>
Cộng	<u>18.998.595.833</u>	<u>15.228.298.733</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>16.954.100.829</i>	<i>20.529.576.065</i>
- Vay ngân hàng	12.935.374.239	16.510.849.475
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	4.018.726.590	4.018.726.590
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>16.954.100.829</u>	<u>20.529.576.065</u>

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	22.605.400.000	1.141.610.037	159.825.405	-	5.014.765.791	28.921.601.233
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.311.452.227	5.311.452.227
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.801.040.000	1.002.953.158	150.400.000	-	(5.014.765.791)	(1.060.372.633)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	25.406.440.000	2.144.563.195	310.225.405	-	5.311.452.227	33.172.680.827
Số dư đầu năm nay	25.406.440.000	2.144.563.195	310.225.405	-	5.311.452.227	33.172.680.827
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.357.787.981	2.357.787.981
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	25.406.440.000	2.144.563.195	310.225.405	-	7.669.240.208	35.530.468.808

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn)	13.422.350.000	11.528.751.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	11.984.090.000	11.076.649.000
Cộng	<u>25.406.440.000</u>	<u>22.605.400.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	25.406.440.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-
+ Vốn góp cuối năm	25.406.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d. Cổ tức

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-

đ. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.540.644	1.947.826
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.540.644	2.306.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.540.644	2.306.968
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.540.644	2.306.968
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.540.644	2.306.968
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.144.563.195	2.144.563.195
- Quỹ dự phòng tài chính	310.225.405	310.225.405
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>2.454.788.600</u>	<u>2.454.788.600</u>

Đơn vị tính: VND

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.357.787.981
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.357.787.981
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.540.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	928

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010
- Doanh thu bán hàng	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	71.815.697.270
Cộng	71.815.697.270

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	71.815.697.270
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-
Cộng	71.815.697.270

28. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	60.063.035.468
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-
Cộng	60.063.035.468

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

29. Doanh thu tài chính

	6 tháng đầu năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.625.932
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Doanh thu tài chính khác	-
Cộng	64.625.932

30. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010
- Chi phí lãi vay	5.118.660.175
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Chiết khấu thanh toán, lãi phạt chậm trả	-
- Chi phí tài chính khác	-
Cộng	5.118.660.175

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	336.826.854
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	336.826.854

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.518.537.848
- Chi phí nhân công	13.534.416.502
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.459.138.063
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.340.589.107
- Chi phí khác bằng tiền	4.203.445.543
Cộng	77.056.127.063

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3. Thông tin các bên liên quan**

3.1. Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

Công ty mẹ

3.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong kỳ như sau:

Các bên liên quan**Nội dung****Số tiền (VND)**

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

Doanh thu xây lắp

16.647.800.000

3.3. Tại ngày 30/6/2010, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan**Khoản mục****Số tiền (VND)**

Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn

Phải thu khách hàng

30.770.862.691

Phải thu khác

1.603.333.351

Người mua trả tiền
trước

15.998.989.991

Nợ dài hạn

4.018.726.590

Phải trả khác

7.000.000.000

5. Thông tin so sánh

Năm 2010 là năm tài chính đầu tiên Công ty phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, do vậy, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có cột số liệu so sánh. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), trong đó, chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được trình bày lại trong phần “Nợ phải trả” thay vì trình bày trong phần “Vốn chủ sở hữu” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Hòa Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đinh Ngọc Kiên

Trịnh Văn Hải

Nguyễn Mạnh Toàn